

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 09/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2018, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị L**, sinh năm 1983.

2. Bị đơn: Anh **Dương Văn Th**, sinh năm: 1984.

Đều có địa chỉ: Phố N, thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Căn cứ vào Điều 147, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 3 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Vũ Thị L** và anh **Dương Văn Th**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Vũ Thị L** và anh **Dương Văn Th** thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị **Vũ Thị L** và anh **Dương Văn Th** xác định có một

con chung là Dương Văn T sinh ngày 08/8/2006. Hiện nay con khỏe mạnh và phát triển bình thường. Khi ly hôn chị L và anh Th thỏa thuận giao con chung cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung (phù hợp với nguyện vọng của con) và chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung: Chị **Vũ Thị L** và anh **Dương Văn Th** xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về vay nợ chung: Chị **Vũ Thị L** và anh **Dương Văn Th** xác định không nợ ai và không cho ai nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Chị Vũ Thị L tự nguyện chịu 150.000 đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 08832 ngày 19/3/2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Hoàn lại cho chị L số tiền còn lại là 150.000 đ (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*). Anh Th không phải chịu án phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Bạch Thông;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- UBND xã T (Nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Triệu Thị Huyền